TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 23/2026/DS-ST Ngày: 23-02-2026 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Trần Thị Hậu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Dân sự thụ lý số 219/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 06/2026/QĐST – DS ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Người đại diện: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc. Uỷ quyền cho ông Vũ Khắc T - Phó GĐ CN kiêm Trưởng PGD Ngân hàng TMCP S- C- P1; Uỷ quyền lại cho: Bà Trần Thị Kim N, địa chỉ: Số C đường Đ, phường P, Tp . (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Duy P, sinh năm 1987, địa chỉ: N, tổ B, KP Q, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/3/2018, ông Lê Duy P có giao kết với Ngân hàng TMCP S (S1) - Phòng G "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng". Nội dung hợp đồng Ngân hàng cấp tín dụng cho ông Lê Duy P với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất 33,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn thanh toán của chủ thẻ vào ngày hoặc trước ngày ghi trên Thông báo hàng tháng do S1 gửi cho khách hàng. Cách tính lãi suất được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến khi thanh toán đầy đủ. Lãi quá hạn được áp dụng trên toàn bộ dư nợ sau 75 ngày kể từ ngày lập Thông báo giao dịch hoặc 3 kỳ Thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày ngày 30-4-2018 đến ngày 28/02/2021, ông P đã nhiều lần rút hạn mức tín dụng với tổng số tiền 24.943.700 đồng. Sau khi rút tín dụng, ông P có thanh toán một phần nợ gốc và lãi. Đến ngày 31/3/2024, ông P ngừng thanh toán và vi phạm hợp đồng. Tổng dư nợ của ông P tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 38.945.020 đồng, trong đó 21.251.633 đồng nợ gốc, 11.795.594 đồng nợ lãi trong hạn và 5.897.796 đồng nợ lãi quá hạn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Lê Duy P thanh toán số tiền 38.945.020 đồng, trong đó 21.251.633 đồng nợ gốc, 11.795.594 đồng nợ lãi trong hạn và 5.897.796 đồng nợ lãi quá hạn và buộc ông P tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 24/02/2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận.

Đối với bị đơn- Ông Lê Duy P:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về việc công khai chứng cứ và các quyết định khác cho bị đơn ông Lê Duy P theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Lê Duy P không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Lê Duy P có nghĩa vụ đóng án phí dân sự sở thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Lê Duy P do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Tại hợp đồng bị đơn ông Lê Duy P có đăng ký địa chỉ cư trú tại nhà T, tổ B, khu phố Q, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), nên Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật TTDS.

Kết quả xác minh cho thấy ông P không có mặt ở địa phương tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS, thì ông P được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Duy P đã được triệu tập hợp pháp đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên:

Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 20/3/2018 ký giữa ông Lê Duy P với Ngân hàng TMCP S được ký dựa trên cơ sở sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, được ký kết đúng thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Từ ngày 30-4-2018 đến ngày 28/02/2021, ông P đã nhiều lần rút hạn mức tín dụng với tổng số tiền 24.943.700 đồng, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho ông P bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng 356480-4086 của ông P. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định ông P đã thanh toán được 65 kỳ với tổng số tiền: 39.157.298 đồng một phần nợ gốc và nợ lãi. Đến ngày 31/3/2024, ông P không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng. Tính đến ngày 30/6/2024 ông P trễ hạn không thanh toán, nên dư nợ gốc còn lại là 21.251.633 đồng.

Tại hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về lãi suất, nên khi ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn căn cứ hợp đồng đã giao kết để xác định nợ lãi phải thanh toán là đúng thỏa thuận. Việc hai bên thỏa thuận lãi suất 33,2%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn là phù hợp với các quy định khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Từ những căn cứ trên thấy: ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP S. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông P phải có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P thanh toán cho nguyên đơn số tiền 38.945.020 đồng, trong đó 21.251.633 đồng nợ gốc, 11.795.594 đồng nợ lãi trong hạn và 5.897.796 đồng nợ lãi quá hạn và buộc ông P tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 24/02/2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Duy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của HĐTP Tòa án NDTC; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Duy P về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc ông Lê Duy P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng ngày 20/3/2018 là 38.945.020 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mươi đồng), trong đó 21.251.633 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng) nợ gốc, 11.795.594 đồng (mười một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng) nợ lãi trong hạn và 5.897.796 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng) nợ lãi quá hạn và buộc ông P tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 24/02/2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Duy P phải nộp số tiền 1.947.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 767.000đ (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004132 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND KV12-TP.HCM;
- Phòng THADS KV12-Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Trà